

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Lực;

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng T, sinh năm 1968. Thường trú: số D, đường H, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Công S, sinh năm 1968. Thường trú: số D, đường H, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: số I, đường D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T trình bày:

Bà Trương Thị Hồng T và ông Phạm Công S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 28/9/1991. Thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau. Hai vợ chồng sống còn không tình cảm. Ông Sơn sống vô tâm, không quan tâm đến gia đình, không bàn bạc hay chia sẻ với vợ, nhiều lần làm ăn khiến gia đình đổ nợ. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà T đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Ông S về sinh sống tại địa chỉ: số I, đường D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Còn bà T, sinh sống tại số D, đường H, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Nay, bà T không còn tình cảm gì đối với ông S, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân hơn năm tháng nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng T yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Phạm Công S.

2. Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 02/8/1996 và Phạm Công D, sinh ngày 16/4/1993 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn ông Phạm Công S trình bày:* Ông S mong muốn hai vợ chồng cùng đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình, ông S thừa nhận nhiều lúc ông vô tâm với vợ con nhưng do cuộc sống vất vả, ông phải đi làm kiếm tiền để lo cho gia đình nên đôi khi thiếu quan tâm đến bà T. Nếu bà T không đồng ý đoàn tụ thì ông S sẽ đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Hồng T và ông Phạm Công S là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Công S hiện nay có đăng ký tạm trú tại: số I,

đường D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn”.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T, bị đơn ông Phạm Công S vắng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T với bị đơn ông Phạm Công S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 28/9/1991 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà T trong thời gian chung sống giữa bà T và ông S thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, vấn đề tài chính gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, bà T đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, ông S không thay đổi khiến cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng ông S vẫn còn tình cảm với bà T nhưng bà T không muốn hàn gắn, cương quyết ly hôn nên ông S đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông S là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Công S là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 02/8/1996 và Phạm Công D, sinh ngày 16/4/1993 đã đủ 18 tuổi. Nay các con chung đã thành niên nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng T đối với ông Phạm Công S về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng T được ly hôn với ông Phạm Công S (Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/1991).

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007734 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- UBND phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên